

Bản án số: 97/2022/HS-ST
Ngày: 30/03/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phí Văn Nghi
Ông Lê Phú Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 550/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc B), sinh năm 1970; Nơi đăng ký thường trú: thôn x, xã BT, huyện BV, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Không xác định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim N và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Chồng là Bạch Công Đ (đã ly hôn), có con là Bạch Công T sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 30/5/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 05 tháng 29 ngày tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích). Ngày 20/5/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 11 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc phải chấp hành hình phạt chung là tử hình (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Ngày 24/6/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa B xử phạt Chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Ánh T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn GN, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; Tạm trú: số x, QT 3, phường HB, ĐĐ, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị B có quan hệ quen biết với anh Nguyễn Xuân Đ. Khoảng tháng 3/2011, anh Đ đã vay của B số tiền 46.000.000 đồng nhưng sau đó không có tiền trả nợ. B đã nhiều lần gọi điện thoại cho anh Đ để đòi tiền nhưng anh Đ không nghe máy và chuyển chỗ ở khác.

Ngày 15/3/2012, B đến chơi ở nhà của người quen là Nguyễn Kim Đ1 (sinh năm 1986, trú tại thôn x, xã BT, huyện BV, Hà Nội). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, các đối tượng Nguyễn Quốc T và Nguyễn Quốc T1 (đều ở tại xã BT, huyện BV) đến nhà Đ1 chơi. Do tất cả đều quen biết trước và khi ngồi chơi, T kể chuyện mấy hôm trước đi đánh bạc với anh Đ ở khu công trường xây dựng phường LK, quận HĐ thì thấy anh Đ đã thắng bạc. Nghe xong, B nói anh Đ còn nợ tiền của B và bàn bạc với Đ1, T, T1 tìm cách bắt Đ để đòi nợ, tất cả đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại rủ anh Đ lên thị xã ST đánh bạc, mục đích để bắt anh Đ trả tiền cho B nhưng anh Đ không lên. Thấy vậy, T nói với anh Đ: *“Ở khu công trường LK đang có sới bạc to lắm, thằng em của T đang đánh bạc ở đó”*. Trao đổi với anh Đ xong, T cho T1 số điện thoại của anh Đ để T1 gọi điện thoại rủ anh Đ vào công trường ở phường LK đánh bạc thì anh Đ đồng ý. Sau đó, B gọi điện thoại cho người quen là Vũ Nam L (sinh năm 1983; trú tại số nhà x, ĐLT, phường NK, quận BD, Hà Nội), hẹn L cùng đến công trường LK đòi tiền anh Đ. Nhận điện thoại xong, L rủ thêm K (chưa xác định được nhân thân) và 02 nam thanh niên là đàn em của K cùng đi taxi đến công trường LK. Sau đó, Đ1 sử dụng xe ô tô hiệu Hyundai Accent biển kiểm soát 29A-445.40 chở B, T1 và T đi từ nhà Đ1 sang thị xã ST thì B gọi điện thoại rủ và đón thêm Nguyễn Văn D (sinh năm 1990; trú tại thôn ĐQ, phường PD, quận BTL, Hà Nội) cùng đi. Trên đường đi, T1 thỉnh thoảng gọi điện cho anh Đ giục ra sới bạc. Anh Đ tin tưởng có sới bạc tại khu công trường LK nên đã gọi điện thoại rủ anh Trần Mạnh D1 (sinh năm 1979; trú tại số nhà x, phố NLB, phường QT, quận ĐĐ, Hà Nội) cùng đi taxi đến công trường LK để đánh bạc. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm B cùng Đ1, T1, T và Nguyễn Văn D đến công trường LK, quận HĐ nhưng chưa thấy anh Đ và anh Trần Mạnh D1 đến. B bảo T1 đứng ở cổng công trường đón Đ còn tất cả đi

vào bên trong công trường. Khoảng 10 phút sau thì L cùng K và hai thanh niên đàn em của K đi taxi đến cổng công trường, thì T1 dẫn anh Đ và anh Trần Mạnh D1 đi vào công trường. Khi gặp anh Đ, B đã chửi và đòi anh Đ phải trả số tiền 46.000.000 đồng nhưng anh Đ nói không có tiền, trong người chỉ có 1.800.000 đồng. Thấy vậy, anh Trần Mạnh D1 đứng ra xin chịu trách nhiệm trả nợ cho anh Đ nhưng B không đồng ý. Sau đó, B cùng Đ1, T, T1 và Nguyễn Văn D bắt ép anh Đ đưa lên xe ô tô của Đ1 và đưa anh Đ đi. Còn L lên xe taxi của anh Trần Mạnh D1; K và hai thanh niên đàn em của K lên taxi bỏ đi. Anh Trần Mạnh D1 gọi điện cho B và thỏa thuận sẽ trả trước cho B 20.000.000 đồng nhưng B không đồng ý, yêu cầu trả đủ tiền thì mới cho anh Đ về.

Đến khoảng 02 giờ ngày 16/3/2012, B cùng Đ1, T, T1 và Nguyễn Văn D đưa anh Đ đến nhà nghỉ NH ở ven hồ SH, xã CL, huyện BV, Hà Nội thuê phòng 401 và 404 để ngủ. B ở phòng 401; T, T1, Nguyễn Văn D ở cùng anh Đ tại phòng 404. B dặn T, T1 và Nguyễn Văn D phải đóng cửa và trông giữ anh Đ cẩn thận, còn Đ1 đi xe ô tô về nhà. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/3/2012, Đ1 đi xe ô tô đến rồi thuê anh Trần Văn Th (sinh năm 1986; trú tại thôn x, xã BT, huyện BV) dùng thuyền đưa anh Đ cùng cả nhóm sang đảo x hồ Suối Hai. Khi anh Th đã đưa Đ1, T, T1, Nguyễn Văn D cùng anh Đ lên đảo thì B ngủ dậy gọi điện báo anh Đ đưa tiền để trả tiền phòng sẽ trừ vào tiền nợ. Anh Đ đưa cho Đ1 1.000.000 đồng và Đ1 đưa tiền nhờ anh Thực mang về đưa cho B. Khi đưa anh Đ lên đảo, D cùng T lấy giấy, bút và bắt anh Đ viết giấy nhận nợ B số tiền là 46.000.000 đồng. Sau khi anh Đ viết xong, T1 thấy điện thoại của anh Đ có tin nhắn của anh Trần Mạnh D1 hỏi đang ở đâu để báo Công an. Thấy vậy, Đ1 chửi và đá vào mặt anh Đ. B gọi điện thoại báo Đ1 đưa anh Đ về. Sau đó, B cùng Đ1, T, T1, Nguyễn Văn D đưa anh Đ đi ăn rồi đưa anh Đ về nhà anh Đinh Văn Th ở đỉnh dốc CM, xã BT, huyện BV, Hà Nội và liên tục ép anh Đ điện thoại về gia đình lo tiền trả B thì mới thả anh Đ về.

Đến khoảng 20 giờ, ngày 16/3/2012, anh Trần Mạnh D1 và chị Lê Thị Ph (sinh năm 1990; là bạn gái của anh Đ) gọi điện thoại cho Vũ Nam L nói là đã lo đủ tiền và thống nhất giao tiền tại khu vực Bệnh viện Quân y 105 ở thị xã Sơn Tây. Sau đó, L rủ K và hai thanh niên là đàn em của K đi taxi lên thị xã Sơn Tây; còn Đ1 đi xe ô tô chở B, T, T1, Nguyễn Văn D và anh Đ đến nơi hẹn.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút, L gặp nhóm của B ở khu vực cổng trường Ngân Hàng, cách ngã tư Bệnh viện Quân y khoảng 01 km. Khi L đi sang xe ô tô của Đ1 ngồi còn Nguyễn Văn D vừa xuống xe thì tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Công an thị xã Sơn Tây bắt giữ B, Đ1, T, T1, L; còn D, K và hai thanh niên đi cùng chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định B có dấu hiệu bị bệnh tâm thần, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện Pháp y tâm thần trung ương giám định tâm thần đối với B. Tại Biên bản giám định pháp y tâm thần số 65/GĐPYTT ngày 15/10/2012 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế kết luận: *“Trước và trong khi gây án, bị can bị bệnh tâm thần phân liệt thể đơn thuần. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số F20.6. Hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện tại bệnh ở giai đoạn nặng nhất, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Ngày 07/11/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Nguyễn Ngọc B. Ngày 13/11/2012, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 10/QĐ-VKS-P1A đối với Nguyễn Ngọc B.

Tại bản án số 207/2013/HSST, ngày 12/6/2013, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử và tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quốc T1 và Vũ Nam L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 123 và khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 09/10/2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 05/VKS-P1A đối với Nguyễn Thị B do bệnh ở giai đoạn ổn định, không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, nhưng cần điều trị ngoại trú tại cộng đồng. Ngày 03/02/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Thị B.

Trong thời gian chữa bệnh tại cộng đồng, ngày 12/01/2015, Nguyễn Ngọc B đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh khởi tố bị can, bắt tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 29/5/2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 02/KSĐT-HS đối với Nguyễn Thị B do bị can bị hạn chế khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi. Ngày 29/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 02/QĐ-VKSQN-P1 đối với Nguyễn Thị B do bị can không thuộc diện áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Thị B. Ngày 14/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Cáo trạng truy tố Nguyễn Ngọc B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngày 07/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Thị B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 394/CT-VKS– P2 ngày 05/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị B giữ im lặng và nhờ Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý về tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức nên đề nghị áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Tại phiên tòa, người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có bố và em gái cũng có bệnh tâm thần, nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xem xét tuyên mức án thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 135; Điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù đối về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; xử phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù với tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm b, khoản 1, khoản 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 1999 quy định có lợi cho người phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội áp

dụng Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử lý đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tội danh và hình phạt:

- *Về tội danh:* Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, căn cứ lời khai của người bị hại, người làm chứng, lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ xác định: Xuất phát từ việc người bị hại là anh Nguyễn Xuân Đ nợ tiền 46.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị B. Khoảng 23 giờ ngày 15/3/2012, Nguyễn Thị B đã cùng Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Văn D, Vũ Nam L với mục đích bắt anh Đ để đòi nợ nên gọi rủ anh Nguyễn Xuân Đ đến công trường La Khê - Hà Đ để đánh bạc. Tại công trường LK – Hà Đông, bị cáo B và các đồng phạm đã bắt giữ anh Đ buộc phải trả tiền. Khoảng 02 giờ, ngày 16/3/2012 trong khi chờ người nhà anh Đ mang tiền lên trả, bị cáo và các đồng phạm đã đưa anh Đ về nhà nghỉ Ngọc Hà ở ven hồ Suối Hai, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thuê 02 phòng nghỉ. Đến 09 giờ 30 phút, sáng ngày 16/3/2012, Đ1, T, T1, Nguyễn Văn D đưa anh Đ sang đảo X hồ Suối Hai. Tại đây các đối tượng ép anh Đ viết giấy nợ Nguyễn Thị B 46.000.000 đồng. Sau đó bị cáo B cùng Đ1, T, T1, Nguyễn Văn D đưa anh Nguyễn Xuân Đ về nhà Đình Văn Th (ở dốc CM, xã BT, huyện BV, thành phố Hà Nội) ép anh Đ điện thoại về cho người thân đem tiền đến trả. Đến 23 giờ 30 phút, ngày 16/3/2012 anh Trần Mạnh D1, chị Lê Thị Ph (bạn anh Đ) điện thoại hẹn trả tiền cho bị cáo B tại khu vực cổng trường Ngân hàng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Khi B cùng Đ1, T, T1, L, Nguyễn Văn D đưa anh Đ đến điểm hẹn để nhận tiền thì bị Công an bắt giữ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị B đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- *Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân, xâm phạm đến tài sản, sức khỏe của người bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo là người có nhân thân xấu, bị truy tố xét xử về nhiều hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến ma túy, cụ thể: Ngày 30/5/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm 05 tháng 29 ngày tù về tội “Mua bán trái phép chất

ma túy” (đã được xóa án tích). Ngày 20/5/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt tù hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 11 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc phải chấp hành hình phạt chung là tử hình (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Ngày 24/6/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa B xử phạt tù Chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Ngày 14/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Cáo trạng truy tố Nguyễn Ngọc B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đẻ, cô ruột, em gái của bị cáo đều bị bệnh tâm thần. Trong vụ án này, nguyên nhân xảy ra hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của bị hại do nợ tiền bị cáo nhưng không thanh toán trả nợ đầy đủ; tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- *Về hình phạt:* Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị hại là anh Nguyễn Xuân Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị B** (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thị Ngọc B) phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 135; Điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; xử phạt 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 32 (Ba mươi hai)

tháng tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, án xử công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- CQTHAHS CATP.Hà Nội;
- CQTHADS TP Hà Nội;
- Trại Tạm giam số 1 – Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo; Luật sư; Bị hại;
- Lưu VT, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Hiếu